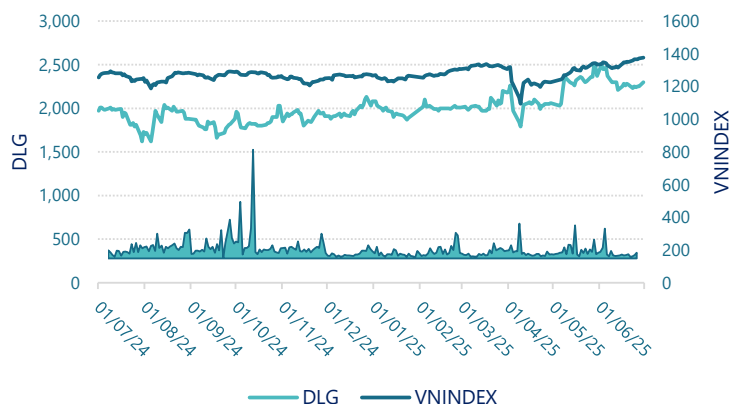


CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (HSX: DLG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,620
SL cổ phiếu LH	299,309,720
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,312,655
% sở hữu nước ngoài	6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	688
P/E	3.3
EPS	698

DT thuần
Q2/25

162

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 5.9%

YoY: ▼166 | -50.6%

LN sau thuế
Q2/25

27.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.2 | -32.1%

YoY: ▲ 2.40 | 9.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25

56.4%

+/- YoY: ▲ 20.7%

DT thuần
6T 2025

315

tỷ VNĐ

YoY: ▼280 | -47.0%

LN sau thuế
6T 2025

69.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.00 | 13.0%

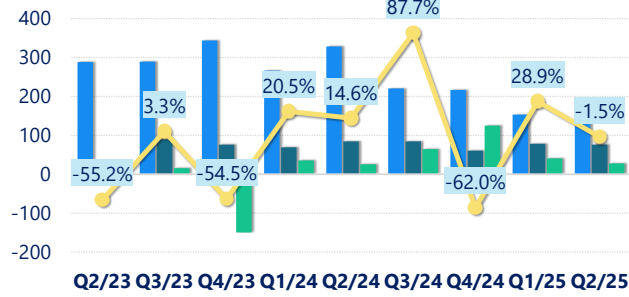
ROE
Q2/25

29.6%

+/- YoY: ▲ 40.7%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh



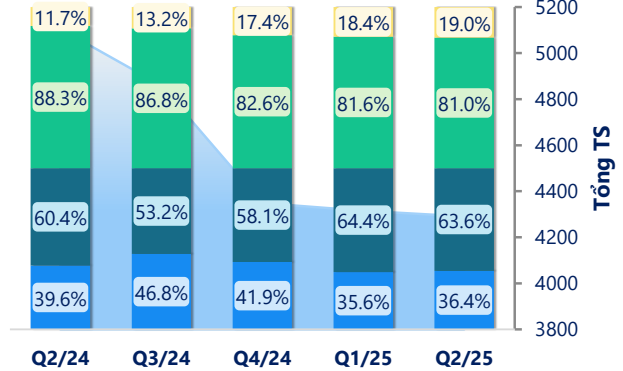
Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

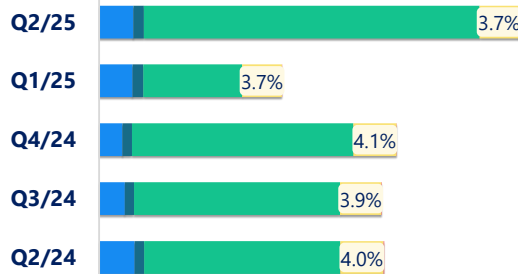


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

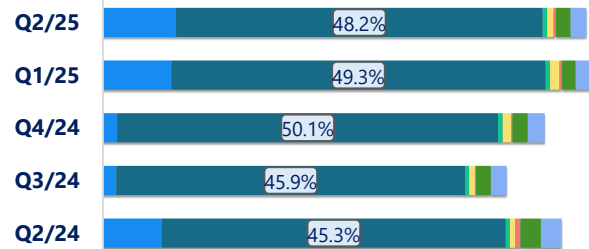
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Đầu tư TC ngắn hạn
Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

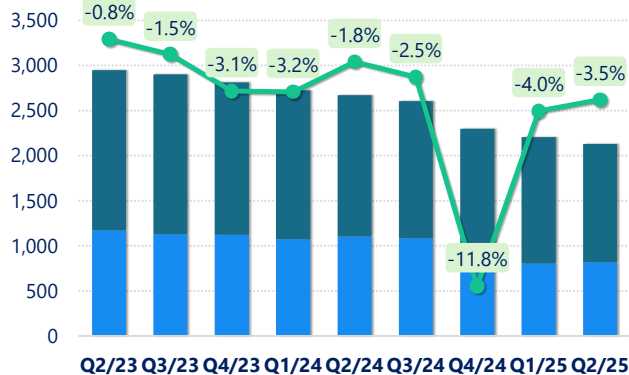


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Tài sản dở dang
Đầu tư tài chính dài hạn
Tài sản dài hạn khác
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



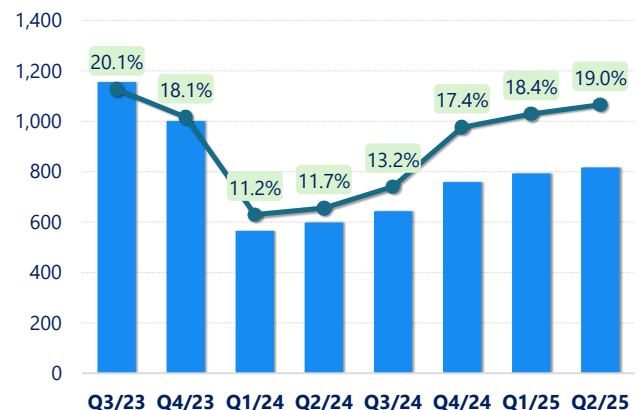
Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

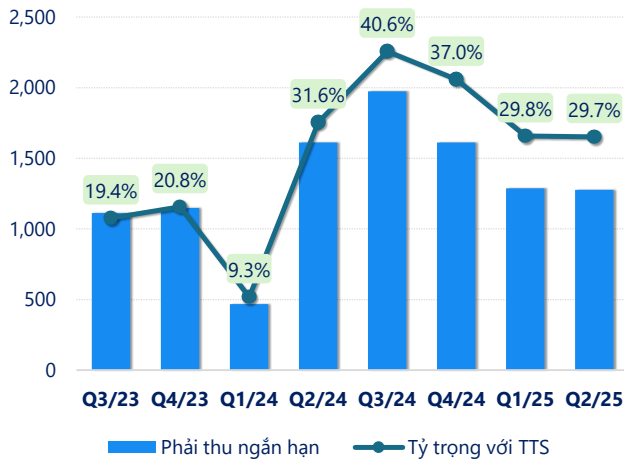


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

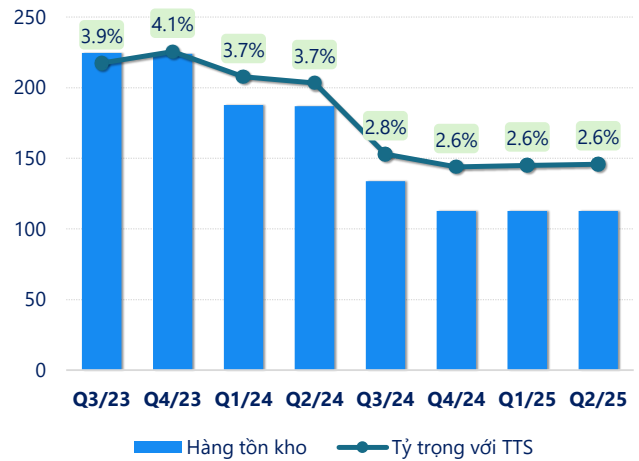
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


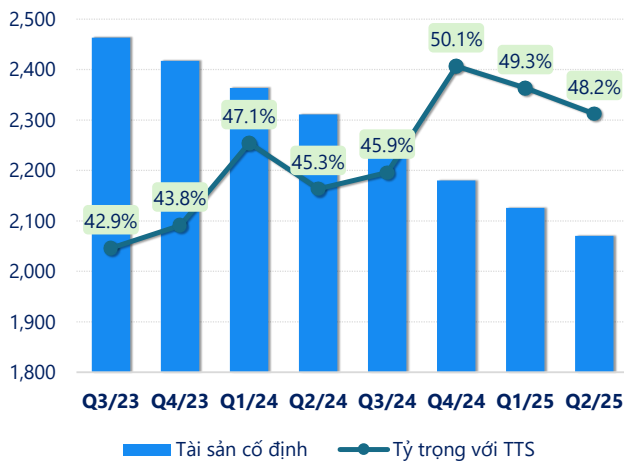
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


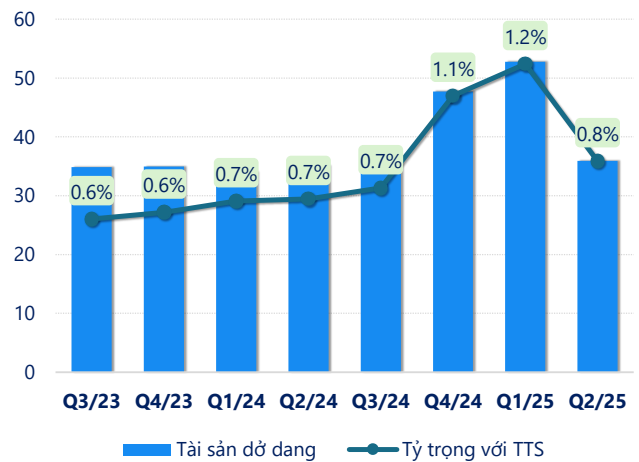
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

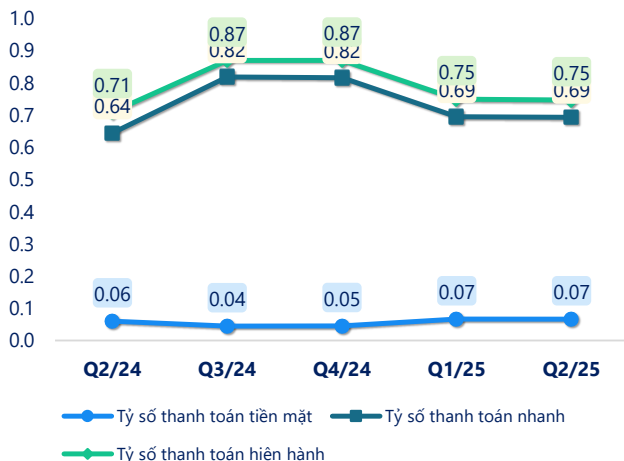
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

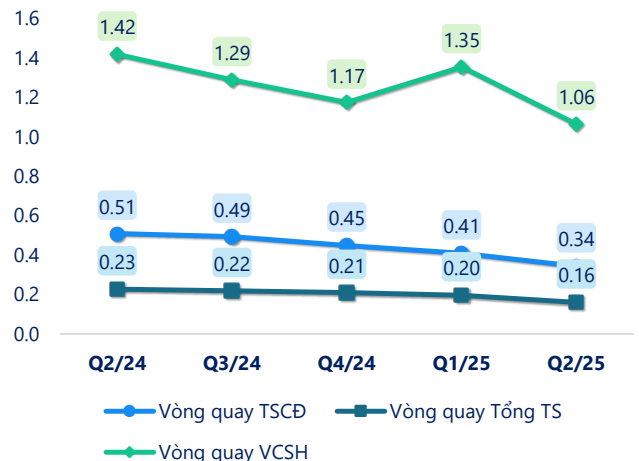
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	5,105	4,860	4,349	4,315	4,291
Tài sản ngắn hạn	2,022	2,276	1,820	1,537	1,560
Tiền và tương đương tiền	171	117	95.0	136	138
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	50.0	0	0	30.7
Phải thu ngắn hạn	1,613	1,974	1,611	1,287	1,276
Hàng tồn kho	187	134	113	113	113
Tài sản ngắn hạn khác	1.99	1.61	1.80	1.72	2.46
Tài sản dài hạn	3,083	2,583	2,529	2,778	2,731
Phải thu dài hạn	396	85.5	81.9	388	413
Tài sản cố định	2,311	2,232	2,180	2,126	2,070
Bất động sản đầu tư	26.8	26.5	26.2	25.9	25.6
Tài sản dở dang	35.1	35.5	47.7	52.8	35.9
Đầu tư tài chính dài hạn	35.3	7.04	7.16	13.1	12.9
Tài sản dài hạn khác	138	96.5	89.0	79.6	85.1
Lợi thế thương mại	140	101	96.5	92.2	87.9
Nợ phải trả	4,507	4,216	3,590	3,522	3,474
Nợ ngắn hạn	2,849	2,618	2,093	2,050	2,090
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,101	1,084	865	803	815
Phải trả người bán ngắn hạn	299	210	206	197	170
Nợ dài hạn	1,658	1,598	1,498	1,472	1,385
Vay và nợ thuê dài hạn	1,571	1,521	1,433	1,403	1,313
Nguồn vốn chủ sở hữu	598	643	758	793	816
Vốn chủ sở hữu	598	643	758	793	816
Vốn điều lệ	2,993	2,993	2,993	2,993	2,993
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)